



ĐÀO THỊ NGỌC MINH (Chủ biên)
ĐÀO THỊ HÀ – LƯU THỊ THU HÀ – NGÔ THÁI HÀ
TIÊU THỊ MỸ HỒNG – VŨ THỊ THANH NGÀ

Bài tập GIÁO DỤC CÔNG DÂN

8



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

ĐÀO THỊ NGỌC MINH (Chủ biên)

ĐÀO THỊ HÀ – LƯU THỊ THU HÀ – NGÔ THÁI HÀ

TIÊU THỊ MỸ HỒNG – VŨ THỊ THANH NGÀ

Bài tập

GIÁO DỤC CÔNG DÂN

8

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



Lời giới thiệu

Sách **Bài tập Giáo dục công dân 8** là tài liệu bổ trợ cho sách giáo khoa *Giáo dục công dân 8*, bộ sách *Chân trời sáng tạo*, nhằm giúp học sinh luyện tập, củng cố, mở rộng kiến thức qua quá trình thực hành, vận dụng nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Sách **Bài tập Giáo dục công dân 8** gồm các dạng bài tập: lựa chọn các câu trả lời đúng, giải ô chữ để tìm từ khoá, điền vào chỗ trống, xử lý tình huống, sắm vai, các bài nối ý để tìm được đáp án đúng,... Nội dung các bài tập được thiết kế bám sát sách giáo khoa *Giáo dục công dân 8*, bộ sách *Chân trời sáng tạo*, chú trọng tăng cường khả năng nhận diện, khám phá, thực hành, vận dụng kiến thức qua những nhiệm vụ học tập gắn với thực tiễn đời sống, phù hợp với lứa tuổi, đặc điểm tâm sinh lí, thể chất học sinh lớp 8.

Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp về nội dung, hình thức của sách **Bài tập Giáo dục công dân 8** để sách có chất lượng tốt hơn.

Sách **Bài tập Giáo dục công dân 8** sẽ giúp các thầy cô giáo có thêm nhiều sự gợi ý, lựa chọn trong việc tổ chức dạy học. Chúc các thầy cô và các em có những trải nghiệm thú vị và tiết học đạt kết quả!

Trân trọng cảm ơn

NHÓM TÁC GIẢ

Mục lục

Bài 1.	TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC VIỆT NAM	5
Bài 2.	TÔN TRỌNG SỰ ĐA DẠNG CỦA CÁC DÂN TỘC	10
Bài 3.	LAO ĐỘNG CẦN CÙ, SÁNG TẠO	16
Bài 4.	BẢO VỆ LÊ PHẢI	20
Bài 5.	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN	24
Bài 6.	XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CÁ NHÂN	28
Bài 7.	PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH	32
Bài 8.	LẬP KẾ HOẠCH CHI TIẾT	38
Bài 9.	PHÒNG NGỪA TAI NẠN VŨ KHÍ, CHÁY, NỔ VÀ CÁC CHẤT ĐỘC HẠI	44
Bài 10.	QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ LAO ĐỘNG CỦA CÔNG DÂN	49

Chân trời sáng tạo

BÀI 1

TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC VIỆT NAM



CỦNG CỐ

Bài tập 1. Em hiểu thế nào là tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam?

Bài tập 2. Em hãy kể tên một số truyền thống đáng tự hào của dân tộc Việt Nam. Cho biết những truyền thống đó mang lại giá trị gì.

Bài tập 3. Em hãy nêu một vài biểu hiện đúng và chưa đúng của việc tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam.

Bài tập 4. Theo em, cần phải làm gì để thể hiện niềm tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam?

Bài tập 5. Em hãy trình bày suy nghĩ của mình về bài thơ *Nam quốc sơn hà* (*Sông núi nước Nam*, tương truyền của Lý Thường Kiệt).

NAM QUỐC SƠN HÀ (Sông núi nước Nam)

Phiên âm

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Dịch thơ

Sông núi nước Nam vua Nam ở
Vằng vặc sách trời chia xứ sở
Giặc dữ có sao phạm đến đây
Chúng mày nhất định phải tan vỡ.

(Lê Thước – Nam Trân dịch, *Thơ văn Lý – Trần*, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, 1977)

Bài tập 6. Em hãy khoanh tròn vào câu trả lời đúng.

Câu 1. Nội dung nào dưới đây **không** phải là truyền thống đáng tự hào của dân tộc Việt Nam?

- A. Yêu nước, thương nòi.
- B. Đoàn kết, nhân nghĩa.
- C. Hiếu học, tôn sư trọng đạo.
- D. Tổ chức cưới hỏi linh đình.

Câu 2. Nội dung nào dưới đây thể hiện giá trị của các truyền thống dân tộc Việt Nam?

- A. Mang đến những giá trị to lớn về văn hoá, lịch sử, xã hội và kinh tế; là nguồn lực quan trọng để phát triển đất nước.
- B. Giúp cho cá nhân luôn sẵn sàng học hỏi để có thể hoà nhập và phát triển, trở thành một công dân toàn cầu.
- C. Giúp rèn luyện các kĩ năng, tiết kiệm thời gian và hướng đến việc đạt được hiệu quả cao trong công việc.
- D. Giúp con người có cách ứng xử đúng đắn, phù hợp; góp phần thúc đẩy xã hội ổn định, công bằng, phát triển.

Câu 3. Trong các hành vi dưới đây, hành vi nào thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam?

- A. Chê bai, xem thường những truyền thống lâu đời của dân tộc.
- B. Tổ chức ma chay phức tạp, dài ngày.
- C. Giữ gìn, phát huy các giá trị tốt đẹp của truyền thống dân tộc.
- D. Từ chối tham gia các hoạt động nhằm phát huy các truyền thống của dân tộc.

Câu 4. Nội dung nào dưới đây **không** phù hợp với việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam?

- A. Trân trọng, hãnh diện về truyền thống của dân tộc mình.
- B. Giữ gìn, phát huy các giá trị tốt đẹp của truyền thống dân tộc.
- C. Quảng bá hình ảnh, truyền thống, văn hoá của dân tộc ra thế giới.
- D. Cổ xúy cho các hủ tục của quê hương.

Câu 5. Nội dung nào dưới đây là biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam?

- A. Không quan tâm, tìm hiểu về những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.
- B. Trân trọng các giá trị tốt đẹp của truyền thống dân tộc.
- C. Giữ gìn và phát huy các hủ tục của dân tộc.
- D. Xoá bỏ hoàn toàn truyền thống của dân tộc.

Câu 6. Để thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam, học sinh cần thực hiện việc làm nào dưới đây?

- A. Chán nản vì đất nước còn nghèo nàn, lạc hậu.
- B. Đề cao truyền thống của dân tộc mình, không tôn trọng truyền thống của dân tộc khác.
- C. Tích cực tìm hiểu về các truyền thống của dân tộc Việt Nam.
- D. Thực hiện những hành vi làm xấu hình ảnh của dân tộc.



LUYỆN TẬP

Bài tập 7. Em hãy đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

“Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bốn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến”.

(Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 6, NXB Sự thật, 1986)

Câu hỏi:

– Theo em, Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn nhấn nhủ điều gì đến mọi người qua đoạn trích trên?

.....

.....

.....

.....

– Là chủ nhân tương lai của đất nước, em cần phải làm gì để có thể thực hiện lời nhấn nhủ trên của Bác Hồ?

.....

.....

.....

.....

Bài tập 8. Có ý kiến cho rằng: “Thật đáng tự hào vì Việt Nam là một dân tộc có lịch sử hàng nghìn năm văn hiến. Thật xấu hổ nếu hàng nghìn năm văn hiến ấy chỉ là một chương trong sách của môn học Lịch sử mà không được thể hiện trong cách hành xử đời thường”.

Câu hỏi:

Là một người Việt Nam trẻ tuổi, em có suy nghĩ như thế nào về ý kiến trên?



VẬN DỤNG

Bài tập 9. Em hãy xây dựng từ ba đến năm quy tắc ứng xử trong sinh hoạt và học tập nhằm phát huy các truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

Bài tập 10. Em hãy tìm hiểu và giới thiệu với bạn bè quốc tế về một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

Gợi ý: Hình thức thể hiện thông qua các sản phẩm như: video clip, tranh vẽ hoặc một bài thuyết trình,...

BÀI 2

TÔN TRỌNG SỰ ĐA DẠNG CỦA CÁC DÂN TỘC



CỦNG CỐ

Bài tập 1. Em hãy nêu những biểu hiện về sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.

.....

.....

.....

.....

.....

Bài tập 2. Dựa vào các gợi ý dưới đây, em hãy đoán tên sự vật và tên quốc gia tương ứng bằng cách hoàn thiện bảng sau:

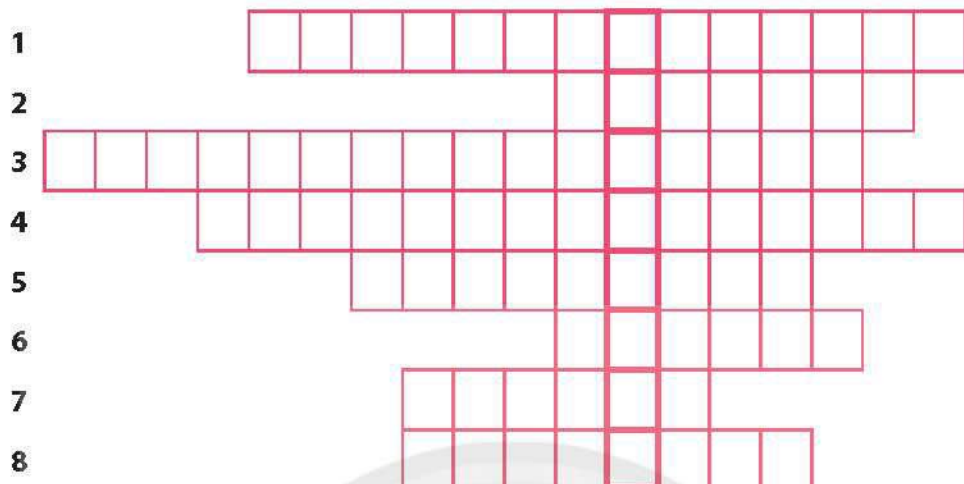
STT	Gợi ý	Tên sự vật	Tên quốc gia
1	Đây là một công trình kiến trúc bằng thép, nằm cạnh sông Seine, có chiều cao là 300 m, được khánh thành vào năm 1889, trở thành biểu tượng của “kinh đô ánh sáng”.		
2	Đây là “bức tường dài vạn dặm” được xây dựng bằng đất và đá từ thế kỉ V trước Công nguyên đến thế kỉ XVI.		
3	Đây là một công trình kiến trúc có tên ban đầu là Liên Hoa Đài, với lối kiến trúc độc đáo – một gian thờ đặt trên một cột trụ duy nhất.		

4	Đây là quần thể các công trình cổ đại có hình chóp, bằng đá, hầu hết đóng vai trò là lăng mộ cho các vị vua Pharaon và hoàng hậu.		
5	Đây là một quần thể đền đài và di tích tôn giáo lớn nhất thế giới, rộng 162,6 ha, nằm ở một đất nước thuộc khu vực Đông Nam Á, có biên giới giáp Việt Nam.		
6	Đây là một nhà hát có kiến trúc độc đáo, giống với hình con sò hay những cánh bướm no gió ra khơi.		
7	Đây là một toà tháp chuông, có độ nghiêng 3,97 độ.		

Bài tập 3. Em hãy giới thiệu thêm về những nét đặc sắc trong văn hoá của các dân tộc trên thế giới (kiến trúc, lễ hội, trang phục, ẩm thực,...) mà em biết.

Bài tập 4. Theo em, việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cá nhân và từng dân tộc?

Bài tập 5. Em hãy giải ô chữ bằng các gợi ý dưới đây.



Gợi ý:

1. Là cụm từ gồm 14 chữ cái, chỉ những người có khả năng sinh sống và làm việc ở nhiều quốc gia, có hiểu biết đa dạng về mọi mặt, có khả năng làm cầu nối về kiến thức, cơ hội phát triển để tạo nên giá trị hữu ích cho toàn nhân loại.
2. Là cụm từ 7 chữ cái, chỉ một xu thế lớn của thế giới hiện đại, có những tác động mạnh mẽ đến quá trình liên kết, hợp tác giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ dựa trên sự chia sẻ về lợi ích.
3. Là cụm từ gồm 16 chữ cái, chỉ suy nghĩ, niềm tin, hành động cho rằng với những đặc điểm khác nhau (chủ yếu về nguồn gốc và ngoại hình) các nhóm người sẽ ở những đẳng cấp khác nhau, có chúng người vượt trội hơn những chúng người khác và vì thế họ được hưởng nhiều hơn những quyền lợi riêng biệt.
4. Là cụm từ 15 chữ cái, chỉ tất cả những gì thuộc về tự nhiên bao gồm địa hình, khí hậu, sông ngòi,... có ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của một quốc gia, một vùng miền,...
5. Là cụm từ có 9 chữ cái, chỉ trạng thái của sự biến đổi theo chiều hướng tăng lên, từ ít đến nhiều, từ hẹp đến rộng, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp.
6. Là cụm từ có 6 chữ cái, chỉ hành động mà các bên cùng nhau chung tay làm việc, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong công việc hoặc bất kì lĩnh vực nào để cùng hướng tới một mục tiêu chung.
7. Là cụm từ có 6 chữ cái, chỉ tính chất nhiều vẻ, nhiều dạng, với những biểu hiện khác nhau.

8. Là cụm từ gồm 8 chữ cái, chỉ toàn bộ những hoạt động trong sinh hoạt của con người được hình thành và tạo lập trong quá trình lịch sử và ổn định thành nền nếp, được cộng đồng thừa nhận, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

* **Ô từ khoá:** Là cụm từ gồm 8 chữ cái, chỉ sự đánh giá đúng mực, coi trọng danh dự, phẩm giá và lợi ích của người khác, thể hiện lối sống văn hoá của mỗi người.



LUYỆN TẬP

Bài tập 6. Từ những cụm từ đã tìm được ở bài tập 5, em hãy sử dụng chúng để viết một đoạn văn về chủ đề “Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc”.

Bài tập 7. Em đồng ý hay không đồng ý với các suy nghĩ, việc làm dưới đây? Hãy đánh dấu X vào ô tương ứng và giải thích tại sao.

STT	Suy nghĩ, việc làm	Đồng ý	Không đồng ý	Giải thích
1	Tham dự các buổi giao lưu văn hoá nghệ thuật của các quốc gia nếu có điều kiện.			
2	Tìm hiểu trước những điều nên làm và không nên làm trước khi chuẩn bị đến một quốc gia khác.			
3	Người da đen là chủng người thấp kém nhất trong xã hội.			

4	Những điều tốt đẹp chỉ có ở các nước có nền kinh tế phát triển.			
5	Những nước kém phát triển cần nhanh chóng xóa bỏ đi các bản sắc văn hoá của dân tộc mình, tiếp thu toàn bộ văn hoá của các nước phát triển.			
6	Bất kì quốc gia nào cũng có những điều tốt đẹp mà ta có thể học hỏi.			
7	Chỉ dân tộc Việt Nam mới có những truyền thống tốt đẹp.			
8	Muốn giữ gìn được bản sắc văn hoá của dân tộc mình, nhất định không nên giao lưu văn hoá với bất cứ quốc gia nào.			
9	Người Việt chỉ cần học giỏi tiếng Việt là đủ.			

Bài tập 8. Em hãy đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi.

Tình huống 1. Bạn H cho rằng, để đưa đất nước phát triển, Việt Nam chỉ nên làm bạn với các nước phát triển, bởi vì những nước phát triển thì mới có nhiều điều hay để mình học hỏi. Bạn M không đồng tình với ý kiến của bạn H nhưng chưa biết giải thích với bạn ấy như thế nào.

Câu hỏi:

Nếu là bạn M, em sẽ nói gì với bạn H?

Tình huống 2. Bạn S chỉ thích xem phim Trung Quốc, bạn B thích xem phim Hàn Quốc, bạn N lại thích xem phim của các nước châu Mỹ. Thế nhưng, bạn D lại cho rằng, người châu Á thì chỉ nên xem phim của các nước châu Á và tốt nhất người Việt Nam chỉ nên xem phim Việt Nam. Điều này đã khiến bốn bạn xảy ra tranh luận với nhau.

Câu hỏi:

Nếu là bạn của bốn bạn ấy và chứng kiến cuộc tranh luận này, em sẽ nói gì với các bạn?



VẬN DỤNG

Bài tập 9. Em hãy tìm hiểu và thiết kế sản phẩm giới thiệu về những nét văn hoá đặc sắc của một quốc gia mà em yêu thích.

Gợi ý: Hình thức thể hiện thông qua các sản phẩm như: video clip, tranh vẽ hoặc một bài thuyết trình,...

BÀI 3

LAO ĐỘNG CẦN CÙ, SÁNG TẠO

CÙNG CỐ

Bài tập 1. Em hãy khoanh tròn vào các câu trả lời đúng (có thể chọn nhiều câu trả lời).

Câu 1. Cần cù là:

- A. chăm chỉ, chịu khó làm việc một cách thường xuyên trong công việc.
- B. tìm tòi cách thức giải quyết công việc nhanh chóng, hiệu quả.
- C. làm việc theo cảm hứng.
- D. làm việc khi có sự nhắc nhở của người khác.

Câu 2. Sáng tạo là:

- A. làm việc một cách miệt mài, thường xuyên.
- B. sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành tốt công việc của mình.
- C. làm việc một cách tích cực khi có sự nhắc nhở của bố mẹ, thầy cô.
- D. say mê nghiên cứu, tìm tòi trong lao động.

Câu 3. Cần cù, sáng tạo trong lao động sẽ mang lại cho chúng ta những lợi ích gì?

- A. Mất nhiều thời gian, công sức, có khi không mang lại hiệu quả.
- B. Giúp nâng cao hiểu biết, rèn luyện kỹ năng.
- C. Giúp tiết kiệm được thời gian, công sức,...
- D. Giúp đạt hiệu quả cao trong công việc.

Câu 4. Để trở thành người cần cù, sáng tạo trong lao động, học sinh cần làm gì?

- A. Nỗ lực, vượt qua mọi khó khăn, thử thách.
- B. Trông chờ vào sự giúp đỡ, hỗ trợ của bố mẹ, thầy cô.
- C. Luôn tìm tòi, đổi mới cách thức làm việc.
- D. Chăm chỉ học tập, vận dụng những điều đã biết vào cuộc sống.

Bài tập 2. Em hãy nêu những biểu hiện của lao động cần cù và sáng tạo.

Bài tập 3. Theo em, tại sao chúng ta phải cần cù và sáng tạo trong lao động?

Bài tập 4. Em hãy cho biết để rèn luyện đức tính cần cù, sáng tạo, học sinh cần phải làm gì.

Bài tập 5. Em hãy sưu tầm một số câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ nói về cần cù, sáng tạo trong lao động.



LUYỆN TẬP

Bài tập 6. Em đồng tình hay không đồng tình với quan điểm nào sau đây?
Hãy đánh dấu X vào ô tương ứng và giải thích tại sao.

STT	Quan điểm	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
1	Lao động cần cù, chăm chỉ là đủ, không cần phải sáng tạo.			
2	Làm việc gì cũng phải sáng tạo, tìm tòi cách làm mới.			
3	Cần cù có thể do rèn luyện mà có, còn sáng tạo là năng lực bẩm sinh.			
4	Chỉ những học sinh thông minh, học giỏi mới có khả năng sáng tạo trong lao động.			
5	Học sinh chưa có khả năng sáng tạo.			
6	Người càng cần cù, sáng tạo thì càng vất vả vì phải làm nhiều việc.			
7	Chỉ những người làm việc trong lĩnh vực khoa học mới cần sáng tạo.			
8	Cần cù, sáng tạo là phẩm chất cần có của con người trong thời đại ngày nay.			

Bài tập 7. Em hãy khoanh tròn vào những việc làm thể hiện tính cần cù, sáng tạo trong lao động dưới đây.

- Nhà bạn H có nghề làm nón thủ công, bạn ấy luôn tìm cách để tạo ra những chiếc nón vừa bền vừa đẹp.
- Bạn N chỉ làm việc khi có bố mẹ ở nhà và không bao giờ bạn làm khác những gì đã được hướng dẫn.
- Khi tìm hiểu về bất cứ vấn đề gì, bạn M luôn đặt ra những câu hỏi “vì sao” và tìm câu trả lời cho những thắc mắc của mình.

- D. Bạn T rất hứng thú với việc tìm ra cách giải mới cho những bài tập mà thầy cô giao.
E. Bạn D luôn cố gắng hoàn thành tất cả các bài tập về nhà.
G. Ngoài học tập, bạn T thường xuyên chủ động làm việc nhà.
H. Bạn Y chỉ dành thời gian cho học tập và vui chơi, không tham gia làm bất cứ công việc nào khác.
I. Bạn X rất thích làm bánh, bạn ấy luôn tìm tòi, thử nghiệm để làm ra những hương vị mới.

Bài tập 8. Em hãy xử lý các tình huống sau:

Tình huống 1. Bạn M là một tấm gương chăm chỉ trong học tập và lao động. Mọi người ai cũng khâm phục bạn ấy, nhưng bạn H lại cho rằng, gia đình của bạn M khó khăn nên mới phải cần cù, chăm chỉ, còn gia đình mình thì khá giả nên không cần phải như vậy.

Câu hỏi:

Nếu em là bạn của bạn H, em sẽ nói gì với bạn ấy?

Tình huống 2. Bạn T nhất định chỉ làm bài theo cách cô giáo đã hướng dẫn, còn bạn M lại luôn thích tìm tòi những cách giải mới. Điều này đã khiến hai bạn thường xuyên xảy ra tranh luận trong quá trình học nhóm.

Câu hỏi:

Nếu em là bạn chung nhóm của bạn T và bạn M, em sẽ làm gì?

VẬN DỤNG

Bài tập 9. Em hãy kể về một thành quả mà em hoặc một người nào đó đã đạt được nhờ vào việc cần cù, sáng tạo trong lao động.

Bài tập 10. Em hãy tìm hiểu và giới thiệu về một tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động mà em biết.

BÀI 4

BẢO VỆ LỄ PHẢI



Bài tập 1. Em hiểu thế nào là bảo vệ lễ phải?

Bài tập 2. Theo em, tại sao chúng ta cần phải bảo vệ lễ phải?

Bài tập 3. Em hãy cho biết để bảo vệ lễ phải, học sinh cần có những lời nói, hành động cụ thể nào.

Bài tập 4. Em hãy đọc các câu tục ngữ dưới đây và khoanh tròn vào những câu có ý nghĩa khuyên chúng ta phải biết tuân thủ các quy định, giữ gìn các chuẩn mực, đấu tranh chống lại cái sai, bảo vệ cái tốt, cái đúng.

- A. Ăn ngay ở thẳng chẳng sợ mất lòng.
- B. Cháy nhà mới ra mặt chuột.
- C. Cây ngay không sợ chết đứng.
- D. Đói cho sạch, rách cho thơm.
- E. Có qua có lại mới toại lòng nhau.

Bài tập 5. Chọn một trong những câu tục ngữ với chủ đề về bảo vệ lễ phải ở bài tập 4, em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) để giải thích ý nghĩa của câu tục ngữ đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

LUYỆN TẬP

Bài tập 6. Em đồng ý hay không đồng ý với các suy nghĩ, việc làm dưới đây? Hãy đánh dấu X vào ô tương ứng và giải thích tại sao.

STT	Suy nghĩ, việc làm	Đồng ý	Không đồng ý	Giải thích
1	Bạn A là lớp trưởng, bạn ấy thường bỏ qua các vi phạm, khuyết điểm của những bạn chơi thân với mình.			
2	Trong đợt bầu chọn học sinh tiêu biểu, bạn H nghĩ rằng, chỉ nên bầu cho những bạn đủ tiêu chuẩn.			
3	Bạn N biết việc làm của bạn M đối với bạn L là không đúng, nhưng bạn N vẫn coi như không biết gì vì bạn ấy và M là họ hàng với nhau.			
4	Gia đình bạn T luôn chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật ở địa phương nơi sinh sống.			
5	Bạn K động viên bạn Q nên nói ra sự thật mà bạn ấy đã được chứng kiến.			

6	Bạn B không muốn đưa ra chính kiến của mình trong những cuộc thảo luận của lớp.			
7	Trong một lần tranh luận, mặc dù biết ý kiến của bạn A là đúng, nhưng để tránh mâu thuẫn với bạn M, bạn V đã chọn cách im lặng.			
8	Để bảo vệ lợi ích của người thân, trước Tòa án, ông H đã không nói ra hết sự thật mà ông biết.			

Bài tập 7. Em hãy trình bày suy nghĩ, ý kiến của em về các quan điểm dưới đây.

STT	Quan điểm	Suy nghĩ, ý kiến của em
1	Chỉ những người làm việc trong Tòa án, Viện kiểm sát mới cần phải bảo vệ lẽ phải.	
2	Học sinh còn nhỏ thì chưa thể bảo vệ lẽ phải.	
3	Người bảo vệ lẽ phải sẽ là người chịu thiệt thòi.	
4	Việc bảo vệ lẽ phải cần được thể hiện ở cả lời nói và hành động.	
5	Học sinh cần phải biết bảo vệ lẽ phải.	

Bài tập 8. Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi.

Trường hợp 1. Ý kiến của bạn D là đúng, nhưng ý kiến đó lại bị hầu hết các bạn trong nhóm phản đối.

Câu hỏi:

Nếu em là bạn cùng nhóm của bạn D, em sẽ làm gì?

Trường hợp 2. Bạn K biết nhiều việc làm sai trái của ông L, nhưng ông ấy lại là bố bạn thân của bạn K.

Câu hỏi:

Nếu em là bạn K, em sẽ làm gì?



VẬN DỤNG

Bài tập 9. Em hãy kể về một trường hợp mà em đã lên tiếng bảo vệ lẽ phải hoặc chứng kiến ai đó bảo vệ lẽ phải. Cho biết khi đó, em có suy nghĩ gì, kết quả của câu chuyện đó ra sao.

Bài tập 10. Em hãy kể về một trường hợp mà em đã không lên tiếng bảo vệ lẽ phải. Giải thích tại sao em lại làm như vậy. Cho biết nếu tình huống đó lặp lại, em sẽ làm như thế nào.

BÀI 5

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN



Bài tập 1. Em hãy cho biết tại sao chúng ta cần phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

Bài tập 2. Em hãy liệt kê một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

Bài tập 3. Em hãy kể ra một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

Bài tập 4. Em hãy đánh dấu X vào những hành vi, việc làm mà học sinh có thể thực hiện để góp phần bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

STT	Hành vi, việc làm	
1	Sử dụng hộp xốp, túi ni lông để gói/ chứa đồ ăn.	
2	Thường xuyên mua quần áo mới.	
3	Sử dụng các vật dụng bằng thủy tinh, sành, sứ thay thế cho các đồ dùng bằng nhựa.	
4	Hạn chế sử dụng các sản phẩm, vật dụng dùng một lần.	
5	Xả rác trực tiếp ra môi trường.	
6	Phân loại rác trong gia đình.	
7	Tham gia vào các hoạt động dọn vệ sinh, làm sạch trường lớp và nơi ở.	
8	Nhắc nhở người xung quanh khi họ có hành vi gây ảnh hưởng không tốt đến môi trường.	
9	Sử dụng các phương tiện công cộng thay cho phương tiện cá nhân.	
10	Sử dụng các phương tiện cá nhân, không sử dụng phương tiện công cộng.	

Bài tập 5. Em hãy liệt kê những việc làm góp phần bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

.....

.....

.....

.....



LUYỆN TẬP

Bài tập 6. Em hãy các đọc tình huống sau và trả lời câu hỏi.

Tình huống 1. Gia đình bạn H sống bằng nghề trồng rau. Rau của nhà bạn H cung cấp cho rất nhiều cửa hàng quanh khu vực. Tuy nhiên, trong quá trình chăm sóc rau, bố mẹ bạn ấy đã dùng khá nhiều thuốc bảo vệ thực vật như thuốc trừ sâu, trừ nấm, diệt cỏ,...

Câu hỏi:

– Em có đồng tình với việc làm của bố mẹ bạn H không? Vì sao?

– Nếu em là bạn H, em sẽ nói gì với bố mẹ?

Tình huống 2. Nhà bạn K ở cạnh một hồ nước lớn. Năm nào cũng vậy, vào ngày lễ tiễn ông Công ông Táo về trời, người dân trong khu vực đều đến hồ nước này để thả cá rồi vứt lại túi ni lông xuống hồ hoặc ngay trên bờ.

Câu hỏi:

– Em có đồng tình với cách làm của những người dân trong tình huống trên không? Vì sao?

– Nếu em là bạn K, trong ngày lễ tiễn ông Công ông Táo năm nay, em sẽ làm gì để mọi người không còn vứt túi ni lông bừa bãi?

Bài tập 7. Em hãy xử lý các tình huống sau:

Tình huống 1. Em phát hiện nhà máy X xả chất thải chưa qua xử lý trực tiếp ra môi trường.

Tình huống 2. Em thấy anh T dùng lưới mắt nhỏ để đánh bắt cá.

Tình huống 3. Em phát hiện Công ty Y khai thác tài nguyên khoáng sản trái phép.

Tình huống 4. Em và đội tình nguyện của trường được giao nhiệm vụ trong một tuần phải xử lý bãi rác trên khu đất trống của một khu dân cư và không để nó xuất hiện trở lại.



Bài tập 8. Từ câu nói: “Đồ dùng nhựa: tiện ích tức thời – tác hại lâu dài”, em hãy viết một bài thuyết trình hoặc thiết kế poster với nội dung tuyên truyền về việc hạn chế sử dụng đồ nhựa, góp phần bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

BÀI 6

XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CÁ NHÂN



CỦNG CỐ

Bài tập 1. Em hiểu thế nào là mục tiêu cá nhân? Theo em, việc xác định mục tiêu cá nhân có vai trò như thế nào đối với mỗi người?

Bài tập 2. Em hãy nêu các cách phân loại mục tiêu cá nhân.

Bài tập 3. Em hãy trình bày các yêu cầu cần đảm bảo khi xác định mục tiêu cá nhân.

Bài tập 4. Em hãy cho biết các bước lập kế hoạch để thực hiện mục tiêu cá nhân.

Bài tập 5. Em hãy khoanh tròn vào câu trả lời đúng.

Câu 1. Kết quả cụ thể mà mỗi người mong muốn đạt được trong một thời gian nhất định được gọi là gì?

- A. Kết quả của sự cố gắng.
- B. Kết quả của sự nỗ lực.
- C. Thành tích đạt được.
- D. Mục tiêu cá nhân.

Câu 2. Nội dung nào dưới đây có vai trò định hướng hoạt động của con người?

- A. Mục tiêu cá nhân.
- B. Siêng năng, kiên trì.
- C. Bảo vệ lẽ phải.
- D. Lao động sáng tạo.

Câu 3. Nội dung nào dưới đây **không** phải là cách phân loại mục tiêu theo lĩnh vực?

- A. Mục tiêu về tài chính.
- B. Mục tiêu ngắn hạn.
- C. Mục tiêu về sức khỏe.
- D. Mục tiêu về học tập.

Câu 4. Nội dung nào dưới đây **không** phải là cách phân loại mục tiêu theo thời gian?

- A. Mục tiêu ngắn hạn.
- B. Mục tiêu dài hạn.
- C. Mục tiêu về gia đình.
- D. Mục tiêu trung hạn.

Câu 5. Nội dung nào dưới đây **không** phải là mục tiêu cá nhân?

- A. Bạn M tiết kiệm tiền để mua một chiếc điện thoại mới.
- B. Gia đình bạn K dự định đổi xe máy trong năm tới.
- C. Bạn H quyết tâm sẽ đoạt giải Nhất cuộc thi chạy cự li ngắn của trường.
- D. Bạn B quyết định mỗi ngày sẽ làm quen với ba người bạn mới trong trường để rèn luyện khả năng giao tiếp của mình.

Câu 6. Nội dung nào dưới đây là mục tiêu cá nhân?

- A. Bạn H quyết tâm mỗi ngày chạy bộ 30 phút để rèn luyện sức khỏe.
- B. Trường Trung học cơ sở X quyết tâm trở thành trường đạt chuẩn quốc gia trong hai năm tới.
- C. Xã Y xác định mục tiêu sẽ phấn đấu để đạt chuẩn nông thôn mới trong năm tới.
- D. Tổ dân phố N cố gắng để đạt danh hiệu "Tổ dân phố xanh, sạch, đẹp".

Bài tập 6. Em hãy sắp xếp các nội dung dưới đây vào ô phù hợp.

Mục tiêu ngắn hạn

Mục tiêu về học tập

Mục tiêu về gia đình

Mục tiêu dài hạn

Mục tiêu về sự nghiệp

Mục tiêu về tài chính

Phân loại theo thời gian	Phân loại theo lĩnh vực

Bài tập 7. Em hãy nối nội dung ở cột A với nội dung của cột B sao cho phù hợp.

Cột A	Cột B
Bước 1	a. Xác định thời gian và nguồn lực cần thiết.
Bước 2	b. Liệt kê các việc cần làm để đạt mục tiêu.
Bước 3	c. Cam kết thực hiện kế hoạch.
Bước 4	d. Thường xuyên đánh giá việc thực hiện mục tiêu của bản thân.
Bước 5	e. Sắp xếp công việc theo thứ tự ưu tiên.



LUYỆN TẬP

Bài tập 8. Em đồng tình hay không đồng tình với các trường hợp sau đây? Hãy đánh dấu X vào ô tương ứng và giải thích tại sao.

STT	Trường hợp	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
1	Bạn V là một bạn rất rụt rè, nhút nhát. Bạn ấy muốn rèn luyện sự tự tin nên đã đăng kí tham gia cuộc thi “Người dẫn chương trình nhí” để giúp bản thân mạnh dạn hơn.			
2	Bạn A vốn ít vận động và chưa từng tham gia chạy bền. Mười ngày nữa, trường của bạn A có tổ chức cuộc thi chạy ma-ra-tông, bạn ấy đã đăng kí tham gia và đặt mục tiêu sẽ đoạt giải Nhất cuộc thi đó.			
3	Thấy bạn Q đạt danh hiệu học sinh xuất sắc toàn diện tiêu biểu, bạn N cảm thấy ghen tị và cũng đặt mục tiêu cho mình trong năm tới phải đạt thành tích như bạn Q.			
4	Bạn D là học sinh giỏi toàn diện trong lớp 8A và được nhiều giáo viên bộ môn chọn đi thi học sinh giỏi. Thế nhưng, vì bạn ấy rất yêu thích môn Toán nên đã đặt mục tiêu sẽ tham gia thi và quyết tâm đoạt giải Nhất cho môn học này.			

VẬN DỤNG

Bài tập 9. Em hãy xác định mục tiêu của em trong năm học lớp 8 này và lập kế hoạch để đạt mục tiêu đó.

Bài tập 10. Em hãy xây dựng bản quy tắc mà bản thân cần thực hiện nghiêm túc để đạt được mục tiêu đã đề ra ở bài tập 9.

BÀI 7

PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH



Bài tập 1. Em hãy khoanh tròn vào các câu trả lời đúng (có thể chọn nhiều câu trả lời).

Câu 1. Hành vi nào dưới đây là hành vi bạo lực gia đình?

- A. Bố của bạn A thường xuyên đánh đập mẹ và bạn ấy mỗi khi say rượu.
- B. Mẹ bạn B thường xuyên la mắng thậm tệ mỗi khi bạn ấy bị điểm kém.
- C. Bà P nhiều lần ngược đãi con riêng của chồng, bắt cháu ấy phải nhịn ăn nếu không làm việc nhà.
- D. Anh trai của bạn C la mắng bạn ấy vì đã trốn học để đi chơi điện tử.
- E. Bố mẹ hạn chế việc cho bạn M sử dụng mạng xã hội, khiến bạn ấy cảm thấy rất buồn.
- G. Mẹ của bạn H thường xuyên bắt bạn ấy học bài đến 2 giờ sáng để đạt được kết quả học tập cao.
- H. Bố của bạn T bắt bạn ấy phải đi bán vé số mỗi ngày để kiếm tiền.
- I. Anh K không cho vợ gặp con gái nếu chị ấy không đưa đủ tiền cho mình.

Câu 2. Để phòng, chống bạo lực gia đình, mỗi cá nhân cần thực hiện những hành vi nào dưới đây?

- A. Thể hiện sự yêu thương, chăm sóc, hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình.
- B. Thực hiện tròn bổn phận, trách nhiệm của mình trong gia đình.
- C. Thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.
- D. Kịp thời ngăn chặn các hành vi bạo lực gia đình.
- E. Che giấu cho các hành vi bạo lực gia đình.

- G. Không can thiệp vào các hành vi bạo lực gia đình vì cho rằng đó không phải là chuyện của mình.
- H. Thông báo cho các tổ chức, cá nhân liên quan để can thiệp, xử lý khi phát hiện các hành vi bạo lực gia đình.
- I. Kích động, xúi giục người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình.

Câu 3. Theo quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình sửa đổi được Quốc hội thông qua ngày 14/11/2022 và có hiệu lực từ 1/7/2023, nạn nhân bạo lực gia đình có những quyền nào dưới đây?

- A. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình.
- B. Yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo vệ, cấm tiếp xúc theo quy định của pháp luật.
- C. Được cung cấp dịch vụ y tế, tư vấn tâm lý, pháp luật.
- D. Được quyền sử dụng vũ khí với người thực hiện hành vi bạo lực gia đình.
- E. Được Nhà nước chi trả hoàn toàn chi phí nếu phải điều trị trong các bệnh viện.
- G. Được bố trí nơi tạm lánh, được giữ bí mật về nơi tạm lánh và thông tin khác theo quy định của pháp luật.

Câu 4. Các nạn nhân bị bạo hành nên thực hiện các hành vi nào dưới đây để đảm bảo an toàn?

- A. Nhận biết các dấu hiệu mình sắp bị bạo hành.
- B. Nói cho hàng xóm hoặc người thân, bạn bè biết để họ có thể giúp đỡ.
- C. Lưu trong danh bạ một vài số điện thoại khẩn cấp của cán bộ trong khu phố, Công an địa phương, số 113,... để liên hệ khi có bạo lực nghiêm trọng.
- D. Cố gắng chịu đựng khi bị bạo hành và không chia sẻ với ai.
- E. Ghi nhận lại các bằng chứng về bạo hành để làm căn cứ nếu có kiện tụng trước tòa.
- G. Chủ động học một số kỹ năng tự vệ để bảo vệ bản thân trước các hành vi bạo lực.

Bài tập 2. Em hãy nối các các hình thức bạo lực gia đình với biểu hiện hành vi tương ứng.

Hình thức bạo lực gia đình	Biểu hiện hành vi
1. Bạo lực thể chất	a. Mẹ kể thường xuyên dùng roi để đánh bạn M, khiến cho cơ thể bạn ấy có nhiều vết bầm tím.
2. Bạo lực tinh thần	b. Bố của bạn H bắt bạn ấy phải nghỉ học, đi làm những công việc nặng nhọc để kiếm tiền.
3. Bạo lực kinh tế	c. Chị B thường xuyên mắng nhiếc em gái của chồng đang bị tàn tật vì cho rằng cô ấy là gánh nặng của gia đình.
4. Bạo lực tình dục	d. Anh V thường chì chiết, nhục mạ vợ của mình vì cho rằng chị có trình độ học vấn thấp, kém hiểu biết.
	e. Anh A đã nhiều lần cưỡng ép vợ quan hệ tình dục mặc dù chị không muốn.

Bài tập 3. Em hãy phân tích tác hại của bạo lực gia đình bằng cách hoàn thành bảng dưới đây.

Tác hại của bạo lực gia đình với cá nhân	Tác hại của bạo lực gia đình với gia đình	Tác hại của bạo lực gia đình với xã hội

Bài tập 4. Em hãy đọc câu danh ngôn dưới đây và trả lời câu hỏi.

“Trẻ con là hạt giống hoặc của hoà bình hoặc của bạo lực trong tương lai, phụ thuộc vào cách chúng được chăm sóc và khuyến khích. Bởi vậy, gia đình

và môi trường cộng đồng phải được gieo mầm để nuôi trồng một thế giới công bằng và giàu tình hữu nghị hơn, một thế giới vì cuộc sống và hi vọng”.

(Zilda Arns)

Câu hỏi:

Em hiểu như thế nào về ý nghĩa của câu danh ngôn trên?



LUYỆN TẬP

Bài tập 5. Em hãy đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi.

Tình huống 1. Vợ chồng chị T cưới nhau được mười năm và có với nhau một cô con gái. Chồng chị T là một người nghiện rượu và vũ phu. Mỗi khi say rượu, anh ta lại đánh, chửi hai mẹ con chị T thậm tệ. Có lần, chị T phải nhập viện cấp cứu do bị chồng đánh. Tuy nhiên, vì muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình, chị T vẫn âm thầm chịu đựng những trận đòn roi. Không những thế, vì sống ở nông thôn, ngại hàng xóm chê cười nên chị T không dám tâm sự, thổ lộ với ai về việc mình và con gái thường xuyên bị bạo lực gia đình, điều này càng khiến chị ấy cảm thấy bế tắc.

Tình huống 2. Bạn P thường xuyên bị mẹ kế la mắng, đánh đập. Mỗi lần không hài lòng với hành vi, việc làm hoặc kết quả học tập của bạn P, mẹ kế lại phạt và nhốt bạn ấy vào nhà kho, không cho ăn cơm, gấp gờ bạn bè. Không những thế, mẹ kế còn đe dọa và yêu cầu bạn P không được nói chuyện bị phạt với ai, nếu nói ra thì sẽ không cho bạn ấy gặp mẹ ruột nữa.

Câu hỏi:

– Hành vi của chồng chị T và mẹ kế của bạn P là biểu hiện của hình thức bạo lực gia đình nào?

– Hành vi của chồng chị T và mẹ kế của bạn P có thể bị pháp luật xử lý như thế nào?

– Nếu em là chị T và bạn P, em sẽ làm gì?

Bài tập 6. Em hãy đưa ra cách giải quyết trong các tình huống sau.

Tình huống 1. Đi học về, bạn A thấy bố mẹ đang to tiếng, cãi nhau. Bố bạn A đã tức tối, đập bỏ các đồ dùng trong gia đình.

Câu hỏi:

Nếu là bạn A, em sẽ làm gì?

Tình huống 2. Bạn M thường xuyên bị mẹ la mắng, đánh đập mỗi khi bạn ấy không đạt kết quả cao trong học tập. Điều này khiến bạn M cảm thấy rất áp lực và mệt mỏi, thậm chí nhiều lần còn muốn nghỉ học. Bạn M đã tâm sự chuyện này với bạn T.

Câu hỏi:

Nếu là bạn T, em sẽ làm gì để giúp bạn M?

Tình huống 3. Bạn H nhiều lần chứng kiến bác P (hàng xóm của nhà bạn H) ngược đãi người mẹ chồng đã già yếu. Bác P nhiều lần đánh đập, mắng nhiếc cụ bà vì cho rằng cụ ấy là gánh nặng của gia đình.

Câu hỏi:

Nếu là bạn H, em sẽ làm gì?

VẬN DỤNG

Bài tập 7. Em hãy cùng các bạn vẽ tranh, thiết kế tờ rơi hoặc sáng tác thơ/ về đề hướng dẫn mọi người phòng, chống bạo lực gia đình.

Bài tập 8. Em hãy thảo luận với các bạn để xây dựng một tiểu phẩm truyền thông có nội dung về phòng, chống bạo lực gia đình, sau đó, đóng vai và biểu diễn trước lớp.

Bài tập 9. Em hãy cùng các bạn thực hiện một video clip phỏng vấn các bạn trong lớp, trường để khảo sát về hiểu biết và các kĩ năng phòng, chống bạo lực gia đình. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nâng cao nhận thức và các kĩ năng phòng, chống bạo lực gia đình cho các bạn.

BÀI 8

LẬP KẾ HOẠCH CHI TIÊU

CÙNG CỐ

Bài tập 1. Em hãy khoanh tròn vào câu trả lời đúng.

Câu 1. Kế hoạch chi tiêu là tập hợp những hành động sử dụng tiền một cách như thế nào?

- A. Tiết kiệm.
- B. Lãng phí.
- C. Tằn tiện.
- D. Phù hợp và hiệu quả.

Câu 2. Lập kế hoạch chi tiêu sẽ giúp việc quản lí tiền như thế nào? (Chọn câu trả lời đúng nhất).

- a. Đúng cách.
- b. Hiệu quả.
- c. Chủ động.
- d. Thường xuyên.

Câu 3. Để tạo thói quen chi tiêu hợp lí, chúng ta cần làm gì?

- A. Ghi lại nhật kí chi tiêu.
- B. Chi tiêu cho đến khi hết tiền.
- C. Quyết định mua khi đi ra cửa hàng.
- D. Kiểm tra số tiền có trong túi/ ví của mình.

Câu 4. Khi lập kế hoạch chi tiêu, chúng ta cần phải làm gì? (Chọn câu trả lời đúng nhất).

- A. Xác định mục tiêu.
- B. Thay đổi mục tiêu tài chính.
- C. Xác định thời hạn.
- D. Xác định mục tiêu và thời hạn.

Bài tập 2. Em hãy nối nội dung của cột A với nội dung của cột B sao cho phù hợp.

Cột A	Cột B
Bước 1	a. Sắp xếp công việc theo thứ tự ưu tiên.
Bước 2	b. Thường xuyên đánh giá việc thực hiện mục tiêu của bản thân.
Bước 3	c. Liệt kê các việc cần làm để đạt mục tiêu.
Bước 4	d. Xác định thời gian và nguồn lực cần thiết.
Bước 5	e. Điều chỉnh cách thực hiện nếu hoàn cảnh thay đổi.
Bước 6	g. Cam kết thực hiện kế hoạch.

Bài tập 3. Em hãy trả lời và nêu ví dụ minh họa đối với các nội dung/ câu hỏi trong bảng dưới đây.

STT	Nội dung/ câu hỏi	Trả lời	Ví dụ minh họa
1	Kế hoạch chi tiêu là gì?		
2	Vì sao cần phải lập kế hoạch chi tiêu?		
3	Liệt kê các cách chi tiêu phù hợp mà em biết.		
4	Kể tên các bước để lập kế hoạch chi tiêu.		



LUYỆN TẬP

Bài tập 4. Em đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến dưới đây?
 Hãy đánh dấu X vào ô tương ứng và giải thích tại sao.

STT	Ý kiến	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
1	Lập kế hoạch chi tiêu chủ yếu nhằm mục đích tiết kiệm.			
2	Người dư dả tiền bạc thì không cần lập kế hoạch chi tiêu.			
3	Lập kế hoạch chi tiêu nhằm giúp chúng ta chủ động trong cuộc sống và học tập.			
4	Lập kế hoạch chi tiêu giúp mỗi người không lãng phí và không bị nợ nần.			
5	Lập kế hoạch chi tiêu sẽ giúp mỗi người quản lí được tài chính của bản thân ở hiện tại và tương lai.			

Bài tập 5. Em hãy đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi.

Tình huống 1. Hằng tháng, bạn K đều lập kế hoạch chi tiêu của bản thân để cân đối các khoản chi tiêu sao cho hợp lí như: mua đồ ăn sáng, đồ dùng học tập, tiết kiệm, đi xem phim,... Khi thấy bạn K có thói quen ghi chép lại các khoản chi tiêu, bạn M (bạn cùng lớp với bạn K) cho rằng việc làm này là không cần thiết.

Câu hỏi:

– Theo em, việc lập kế hoạch chi tiêu sẽ đem lại lợi ích gì cho bạn K?

– Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến của bạn M? Vì sao?

Tình huống 2. Bạn H và nhóm bạn rủ nhau đi xem phim. Bạn H và các bạn muốn mua thêm nước uống, bông ngô nhưng không đủ tiền. Bạn H không suy nghĩ và lấy ngay số tiền mua đồ dùng học tập mà mẹ vừa đưa sáng nay để mua nước, bông ngô cho các bạn. Thấy vậy, các bạn trong nhóm đã khuyên bạn ấy không nên chi tiêu như vậy. Thế nhưng, bạn H lại nói: “Không cần phải tính toán làm gì, hết tiền thì mình lại xin bố mẹ”.

Câu hỏi:

– Em có nhận xét gì về cách chi tiêu của bạn H?

– Nếu em là bạn của bạn H, em sẽ khuyên bạn H như thế nào để có thói quen chi tiêu tốt hơn?

Tình huống 3. Bạn T có dự định sẽ tặng quà sinh nhật mẹ vào năm tháng tới. Vì vậy, bạn T đã lập kế hoạch chi tiêu cho bản thân mình trong năm tháng. Tháng thứ nhất và thứ hai, bạn thực hiện theo đúng kế hoạch đã lập. Nhưng đến tháng thứ ba, bạn T không thực hiện được vì đã chi tiêu không kiểm soát. Bạn T đang băn khoăn vì không biết liệu mình có thể mua được món quà tặng mẹ vào ngày sinh nhật được hay không.

Câu hỏi:

Nếu em là bạn của bạn T, em sẽ hướng dẫn bạn T như thế nào để bạn ấy biết các cách chi tiêu và có thể hoàn thành kế hoạch chi tiêu đã lập?



VẬN DỤNG

Bài tập 6. Em hãy đọc tình huống sau và trả lời câu hỏi.

Vì bà nội bị ốm nặng nên bố mẹ bạn N phải về quê chăm sóc bà một tuần. Mẹ đưa bạn N và em trai 500 000 đồng để chi tiêu cho việc ăn uống trong một tuần. Ngày đầu tiên, bạn N không nấu cơm mà dẫn em trai ra ngoài ăn. Ngày thứ hai, bạn ấy lại tiếp tục mua những món ăn khoái khẩu của hai anh em. Do vậy, trong hai ngày, bạn N đã tiêu hết 150 000 đồng. Bạn N bắt đầu cảm thấy lo lắng và tự hỏi rằng, với số tiền còn lại, hai anh em sẽ chi tiêu như thế nào nếu bố mẹ chưa về.

Câu hỏi:

Nếu em là bạn N, em sẽ lập kế hoạch chi tiêu cho những ngày tiếp theo như thế nào?

Bài tập 7. Em hãy thiết kế một cuốn sổ ghi chép chi tiêu mà em học hỏi được từ trong cuộc sống và mọi người xung quanh. Sau đó, chia sẻ với các bạn trong lớp về cuốn sổ ghi chép đầy ý nghĩa này.

Bài tập 8. Em hãy lập kế hoạch chi tiêu cho sinh hoạt và học tập của bản thân theo các bước cụ thể và thực hiện kế hoạch đã lập.

Bài tập 9. Em hãy trao đổi với bố mẹ để tìm hiểu về tình hình tài chính của gia đình trong một tháng. Sau đó, hãy lập một kế hoạch chi tiêu phù hợp trong mỗi tháng cho gia đình mình.

Bài tập 10. Em hãy tìm hiểu và chia sẻ với các bạn trong lớp về một số trường hợp chi tiêu có kế hoạch mà em biết. Từ đó, rút ra cho mình những bài học về việc lập kế hoạch chi tiêu hợp lý.

Chân trời sáng tạo

BÀI 9

PHÒNG NGỪ TAI NẠN VŨ KHÍ, CHÁY, NỔ VÀ CÁC CHẤT ĐỘC HẠI



Bài tập 1. Em hãy kể tên một số loại vũ khí, chất cháy, nổ, chất độc hại mà em biết, sau đó, nêu những nguy cơ tai nạn và hậu quả có thể xảy ra bằng cách hoàn thiện bảng dưới đây.

	Vũ khí	Chất cháy, nổ	Chất độc hại
1. Các loại			
2. Nguy cơ gây tai nạn			
3. Hậu quả có thể xảy ra			

Bài tập 2. Em hãy cho biết những ý kiến dưới đây là đúng hay sai. Hãy đánh dấu X vào ô tương ứng và giải thích tại sao.

Ý kiến	Đúng	Sai	Giải thích
1. Tự do sử dụng vũ khí cần được Nhà nước và pháp luật tôn trọng.			

Bài tập 4. Em hãy khoanh tròn vào câu trả lời đúng.

Câu 1. Thuốc trừ sâu, thuốc diệt chuột được xếp vào nhóm nguy cơ gây hại nào dưới đây?

- A. Vũ khí.
- B. Chất độc hại.
- C. Chất thải.
- D. Chất nổ.

Câu 2. Dầu hoả là chất gì?

- A. Chất cháy.
- B. Chất nổ.
- C. Chất thải.
- D. Chất độc hại.

Câu 3. Ngày Toàn dân phòng cháy, chữa cháy là ngày nào dưới đây?

- A. Ngày 4 tháng 10.
- B. Ngày 10 tháng 4.
- C. Ngày 14 tháng 4.
- D. Ngày 14 tháng 10.

Câu 4. Khi có cháy, nổ xảy ra, chúng ta nên gọi số máy nào dưới đây?

- A. 113.
- B. 114.
- C. 115.
- D. 119.

Câu 5. Để phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại, chúng ta cần tránh thực hiện hành vi nào dưới đây?

- A. Sử dụng thuốc bảo quản thực phẩm theo đúng quy định.
- B. Chuyên chở vũ khí theo sự điều động của Nhà nước.
- C. Đốt pháo trong ngày Tết, ngày cưới.
- D. Sử dụng bếp gas để nấu ăn.

Câu 6. Hành vi, việc làm nào dưới đây không vi phạm các quy định của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại?

- A. Cửa bom, đạn pháo chưa nổ để lấy thuốc nổ.
- B. Công an sử dụng vũ khí để trấn áp tội phạm.
- C. Buôn bán vũ khí, súng đạn.
- D. Báo cháy giả.

Câu 7. Quy trình bốn bước để xử lý một vụ cháy lớn được sắp xếp theo thứ tự nào dưới đây?

- A. Báo động; cắt điện; gọi 114; dùng phương tiện và lực lượng tại chỗ để chữa cháy.
- B. Cắt điện; báo động; gọi 114; dùng phương tiện và lực lượng tại chỗ để chữa cháy.
- C. Báo động; cắt điện; dùng phương tiện và lực lượng tại chỗ để chữa cháy; gọi 114.
- D. Gọi 114; dùng phương tiện và lực lượng tại chỗ để chữa cháy; báo động; cắt điện.



LUYỆN TẬP

Bài tập 5. Em hãy nêu một số biện pháp mà em biết hoặc đã thực hiện để phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.

Nguy cơ tai nạn	Biện pháp phòng ngừa
1. Từ vũ khí	
2. Từ chất cháy, nổ	
3. Từ chất độc hại	

Bài tập 6. Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi.

Bạn P đang ở nhà một mình tại căn hộ tầng 27 của một chung cư 30 tầng. Bất chợt, bạn P phát hiện có tiếng chuông báo cháy. Bạn P liền mở cửa nhà ra và thấy mọi người đang hỗn loạn, một người hàng xóm báo động rằng đang có cháy lớn ở tầng 22, khói đang bốc lên.

Câu hỏi:

Theo em, trong trường hợp này, bạn P cần làm gì? Vì sao?



VẬN DỤNG

Bài tập 7. Thực hiện dự án “Cuộc sống an toàn”.

Em hãy cùng nhóm bạn trong lớp tìm hiểu các quy định của pháp luật về phòng, chống tai nạn cháy, nổ. Sau đó, thiết kế các sản phẩm tuyên truyền để giới thiệu đến người dân ở nơi sinh sống nhằm giúp mọi người nâng cao hiểu biết, ý thức về phòng, chống tai nạn cháy, nổ và đảm bảo an toàn cuộc sống.

Gợi ý: Hình thức thể hiện các sản phẩm tuyên truyền như: tranh vẽ, bài viết, infographic,...

Bài tập 8. Em hãy tìm hiểu về nguy cơ mất an toàn từ các chất độc hại tại nơi em sinh sống và đề xuất các biện pháp phòng tránh những nguy cơ đó. Sau đó, giới thiệu, chia sẻ với các bạn trong lớp về kết quả tìm hiểu của mình.

BÀI 10

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ LAO ĐỘNG CỦA CÔNG DÂN



Bài tập 1. Em hãy sắp xếp các nội dung dưới đây bằng cách viết số tương ứng vào bảng cho phù hợp để thể hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người lao động và quyền, nghĩa vụ của người sử dụng lao động.

1. Tự do lựa chọn việc làm, nơi làm việc, nghề nghiệp, học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp.
2. Không bị phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, quấy rối tình dục tại nơi làm việc.
3. Thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể và thoả thuận hợp pháp khác; tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người lao động.
4. Tuyển dụng, bố trí, quản lí, điều hành, giám sát lao động; khen thưởng và xử lí vi phạm kỉ luật lao động.
5. Hưởng lương phù hợp với trình độ, kĩ năng nghề trên cơ sở thoả thuận với người sử dụng lao động.
6. Được bảo hộ lao động, làm việc trong điều kiện bảo đảm về an toàn, vệ sinh lao động; nghỉ theo chế độ, nghỉ hằng năm có hưởng lương và được hưởng phúc lợi tập thể.
7. Tham gia giải quyết tranh chấp lao động, đình công; đối thoại, trao đổi với tổ chức đại diện người lao động về các vấn đề trong quan hệ lao động, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.
8. Từ chối làm việc nếu có nguy cơ rõ ràng đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khoẻ trong quá trình thực hiện công việc.
9. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.
10. Chấp hành kỉ luật lao động, nội quy lao động; tuân theo sự quản lí, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động.
11. Thực hiện quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động.
12. Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kĩ năng nghề nhằm duy trì, chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động.

Nội dung thể hiện	Trả lời
Quyền của người lao động	Ví dụ: 1;
Nghĩa vụ của người lao động	
Quyền của người sử dụng lao động	
Nghĩa vụ của người sử dụng lao động	

Bài tập 2. Em hãy xác định các hành vi vi phạm Luật Lao động dưới đây thuộc về người lao động hay người sử dụng lao động bằng cách đánh dấu X vào ô tương ứng.

Hành vi vi phạm	Người lao động	Người sử dụng lao động
1. Đi xuất khẩu lao động nhưng chưa hết thời hạn đã bỏ việc, trốn ở lại nước ngoài.		
2. Không trả công cho người thử việc.		
3. Cố tình kéo dài thời gian thử việc của người lao động.		
4. Không sử dụng, trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.		
5. Tự ý bỏ việc không báo trước.		
6. Nghỉ việc dài ngày không có lí do.		
7. Không trả đủ tiền công theo thoả thuận.		
8. Không cung cấp trang, thiết bị bảo hộ lao động cho người làm việc trong môi trường độc hại như đã cam kết trong hợp đồng lao động.		
9. Tự ý đuổi việc người lao động khi chưa hết hạn hợp đồng.		

Bài tập 3. Em hãy khoanh tròn vào câu trả lời đúng.

Câu 1. Quyền nào dưới đây thuộc quyền lao động của công dân?

- A. Tìm kiếm việc làm.
- B. Thành lập công ty, doanh nghiệp.
- C. Quản lý tài sản cá nhân.
- D. Mở trường dạy học, đào tạo nghề.

Câu 2. Hành vi nào dưới đây là hành vi vi phạm Luật Lao động của người lao động?

- A. Thuê trẻ em dưới 15 tuổi vào làm việc.
- B. Không trả đủ tiền công theo thoả thuận.
- C. Tự ý đuổi việc người lao động khi chưa hết hạn hợp đồng.
- D. Tự ý bỏ việc không báo trước.

Câu 3. Hành vi nào dưới đây là hành vi vi phạm Luật Lao động của người sử dụng lao động?

- A. Không sử dụng các thiết bị bảo hộ lao động khi làm việc.
- B. Nghỉ việc dài ngày không có lí do.
- C. Kéo dài thời gian thử việc.
- D. Tự ý bỏ việc không báo trước.

Câu 4. Pháp luật nước ta quy định về việc cấm sử dụng người lao động vào làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại khi người lao động chưa đủ bao nhiêu tuổi?

- A. 15 tuổi.
- B. 16 tuổi.
- C. 18 tuổi.
- D. 20 tuổi.

Câu 5. Pháp luật Việt Nam quy định cấm nhận trẻ em chưa đủ bao nhiêu tuổi vào làm việc?

- A. 14 tuổi.
- B. 15 tuổi.
- C. 16 tuổi.
- D. 18 tuổi.

Câu 6. Hành vi nào dưới đây vi phạm pháp luật về lao động?

- A. Thuê mướn trẻ em đủ 15 tuổi vào làm việc.
- B. Thuê mướn người nước ngoài vào làm việc.
- C. Sử dụng sức lao động của người chưa đủ 18 tuổi.
- D. Lạm dụng sức lao động của người dưới 18 tuổi.

Câu 7. Hành vi nào dưới đây **không** bị pháp luật cấm?

- A. Cưỡng bức, ngược đãi người lao động.
- B. Lạm dụng sức lao động của người dưới 18 tuổi.
- C. Nhận người lao động đủ 15 tuổi vào làm công việc phù hợp.
- D. Sử dụng người lao động dưới 18 tuổi làm công việc nguy hiểm.



LUYỆN TẬP

Bài tập 4. Em hãy cho biết những ý kiến sau là đúng hay sai. Hãy đánh dấu X vào ô tương ứng và giải thích tại sao.

Ý kiến	Đúng	Sai	Giải thích
1. Giải quyết việc làm, bảo đảm cho mọi người trong xã hội đều có việc làm là trách nhiệm của Nhà nước, các doanh nghiệp và toàn xã hội.			
2. Lao động không phải là quyền mà là nghĩa vụ của mỗi công dân đối với đất nước.			
3. Trẻ em cần phải lao động kiếm tiền, góp phần tạo thu nhập cho gia đình.			
4. Mọi hoạt động nhằm thu hút người lao động vào làm việc đều được Nhà nước khuyến khích.			

5. Trẻ em có quyền học tập, vui chơi giải trí và không cần phải làm gì.			
6. Nhà nước chỉ nên tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân trong nước phát triển sản xuất, kinh doanh để giải quyết việc làm cho người lao động.			

Bài tập 5. Có quan điểm cho rằng: “Việc làm là tất cả các hoạt động tạo ra thu nhập và công dân có thể làm bất cứ việc gì mà mình muốn, miễn là tạo ra thu nhập”.

Câu hỏi:

Theo em, quan điểm trên đúng hay sai? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

Bài tập 6. Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi.

Khi thảo luận về quyền của người lao động và người sử dụng lao động, bạn N cho rằng: “Người sử dụng lao động đã bỏ tiền ra để thuê người lao động làm việc cho mình, vì vậy, xét về mặt pháp luật, người sử dụng lao động có nhiều quyền hơn người lao động”.

Câu hỏi:

Em có đồng ý với ý kiến của bạn N không? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

Bài tập 7. Em hãy đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi.

Tình huống 1. Được sự đồng ý của bố mẹ, bạn H (16 tuổi) đã kí một hợp đồng lao động với chú A có thời hạn là một năm. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc,

chú A thường xuyên trả lương không đúng thời hạn, thậm chí còn trả lương không đủ theo như quy định trong hợp đồng. Sau ba tháng làm việc, bạn H muốn chấm dứt hợp đồng lao động với chú A. Tuy nhiên, chú A không đồng ý và cho rằng, vì bạn H đã kí hợp đồng một năm nên phải làm hết thời hạn này mới được nghỉ.

Câu hỏi:

Theo em, bạn H có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động này không? Vì sao?

Tình huống 2. Chị M xin nghỉ làm không lương một tháng ở Công ty K để chăm sóc con ốm. Tuy nhiên, do bệnh của con trở nặng nên chị đã tự ý nghỉ thêm 10 ngày mà không thông báo. Sau đó, chị M trở lại làm việc nhưng Công ty K đã không tiếp nhận chị với lí do nghỉ quá thời gian xin phép.

Câu hỏi:

Theo em, việc làm của Công ty K có đúng quy định của pháp luật không? Giải thích tại sao.



VẬN DỤNG

Bài tập 8. Một người bạn của em muốn đi xin việc làm thêm để có tiền phụ giúp gia đình. Tuy nhiên, bạn ấy vẫn chưa biết các quy định của pháp luật về lao động chưa thành niên. Em hãy viết một bức thư để tư vấn cho bạn ấy về các quyền và nghĩa vụ của lao động chưa thành niên nhằm giúp bạn có thể tìm kiếm, lựa chọn những công việc phù hợp.

Bài tập 9. Giả sử em có một người anh trai năm nay 20 tuổi và anh ấy được nhận vào làm việc cho một công ty tư nhân. Em hãy giúp anh trai soạn thảo một bản hợp đồng lao động để thoả thuận với công ty nhằm đảm bảo các quyền và nghĩa vụ của anh ấy khi tham gia lao động.

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: TRẦN THỊ MỸ TRIỀU

Biên tập mỹ thuật: PHẠM HOÀI THƯƠNG

Thiết kế sách: PHẠM HOÀI THƯƠNG

Trình bày bìa: TÓNG THANH THẢO

Sửa bản in: TRẦN THỊ MỸ TRIỀU

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.



BÀI TẬP GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8 (Chân trời sáng tạo)

Mã số: G2BH8G001M23

In ... bản, (QĐ ... - NXBGDHN) khổ 17 x 24 cm.

Đơn vị in:

Cơ sở in:

Số ĐKXB: 10-2023/CXBIPH/16-2157/GD

Số QĐXB: .../QĐ-GD-HN ngày ... tháng ... năm ...

In xong và nộp lưu chiểu quý ... năm 202...

Mã số ISBN: 978-604-0-35218-7



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ BÀI TẬP LỚP 8 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|--|---|
| 1. Bài tập
NGŨ VĂN 8, TẬP MỘT | 9. Bài tập
TIN HỌC 8 |
| 2. Bài tập
NGŨ VĂN 8, TẬP HAI | 10. Bài tập
CÔNG NGHỆ 8 |
| 3. Bài tập
TOÁN 8, TẬP MỘT | 11. Bài tập
ÂM NHẠC 8 |
| 4. Bài tập
TOÁN 8, TẬP HAI | 12. Bài tập
MĨ THUẬT 8 (1) |
| 5. TIẾNG ANH 8
Friends Plus - Workbook | 13. Bài tập
MĨ THUẬT 8 (2) |
| 6. Bài tập
GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8 | 14. Bài tập
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 8 (1) |
| 7. Bài tập
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8 (PHẦN LỊCH SỬ) | 15. Bài tập
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 8 (2) |
| 8. Bài tập
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8 (PHẦN ĐỊA LÍ) | |

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Gõ ô lớp như trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khóa.



ISBN 978-604-0-35218-7



Giá: đ